

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *C3* /2018/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 06 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hình thức và mức hỗ trợ kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, ngày 03 tháng 11 năm 2015, của Chính phủ về việc phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg, ngày 03 tháng 4 năm 2017, của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 60/TTr-SCT ngày 28 tháng 02 năm 2018, về việc “Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định về hình thức và mức hỗ trợ kinh phí phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, Quy định về hình thức và mức hỗ trợ kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành



Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 4 năm 2018./ *Đau*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Kiên Giang;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Như Điều 3 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, SCT (03bản), nhsuong.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng



QUY ĐỊNH

**Về hình thức và mức hỗ trợ kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND, ngày 06/4/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hình thức và mức hỗ trợ đối với các đề án, dự án phát triển công nghiệp được hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo từng giai đoạn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện đề án, dự án thuộc chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ, cơ quan quản lý và các tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Điều 3. Kinh phí hỗ trợ

Kinh phí hỗ trợ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Ngân sách nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp hàng năm;
2. Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ;
3. Nguồn tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
4. Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

HÌNH THỨC VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 4. Kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng ở trong và ngoài tỉnh; xúc tiến thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

1. Hỗ trợ tối đa 100% cho các hoạt động như: Khảo sát, đánh giá nhu cầu, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kiểm soát chất lượng cho sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

2. Hỗ trợ tối đa 70% cho các hoạt động như: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; tổ chức chương trình xúc tiến thu hút đầu tư vào công nghiệp hỗ trợ; quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; tìm kiếm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài tỉnh; tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động công nghiệp hỗ trợ.

Điều 5. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống về quản lý chất lượng sản phẩm, quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất.

Hỗ trợ tối đa 100% cho các hoạt động như: Đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

Điều 6. Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Hỗ trợ tối đa 70% cho các hoạt động như: Đánh giá nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; đào tạo cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ về chính sách, quản lý, công nghệ, thương mại; tổ chức các khóa đào tạo cán bộ quản lý nhà nước về chính sách quản lý, công nghệ, thương mại về công nghiệp hỗ trợ.

Điều 7. Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu.

1. Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí giới thiệu, phổ biến một số quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu kỹ thuật về sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

2. Hỗ trợ tối đa 50% cho các hoạt động như: Nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp; hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại; mua bản quyền, sáng chế, phần mềm; thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực.

Điều 8. Xây dựng và công bố thông tin về công nghiệp hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 100% cho các hoạt động như: Mua cơ sở dữ liệu dùng chung cho ngành công nghiệp hỗ trợ (đối với các dữ liệu trong nước không có, hoặc không tin cậy); cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và chính sách về công nghiệp hỗ trợ.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Điều 9. Lập đề án, dự án

1. Các đề án, dự án phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Đáp ứng nhu cầu thực tế trong phát triển công nghiệp hỗ trợ;
- b) Phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ từng giai đoạn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;
- c) Đảm bảo tính khả thi về: Phương thức triển khai, thời gian, tiến độ triển khai, nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật;
- d) Đối với các đề án, dự án có thời gian thực hiện kéo dài hơn 01 năm tài chính, đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí cho từng năm.

2. Nội dung của đề án, dự án

- a) Thuyết minh kinh nghiệm, năng lực, khả năng thực hiện của đơn vị chủ trì;
- b) Sự cần thiết và tính phù hợp của dự án, đề án;
- c) Chi tiết nội dung hoạt động;
- d) Dự toán kinh phí chi tiết (bao gồm mức hỗ trợ đề nghị từ nguồn kinh phí chương trình, nguồn kinh phí đối ứng (nếu có));
- đ) Tiến độ thực hiện;
- e) Kết quả và các sản phẩm dự kiến;

g) Đánh giá hiệu quả và tác động của dự án, đề án.

3. Tiếp nhận đề án, dự án

a) Các tổ chức, cá nhân có đề án, dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ, đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Khoản 1, Điều này, nộp hồ sơ tại Sở Công Thương, để xem xét, tổng hợp gửi Hội đồng thẩm định.

b) Sở Công Thương, hướng dẫn các đơn vị chủ trì nộp và tiếp nhận đề án, dự án; căn cứ vào các yêu cầu, tiêu chí lựa chọn đề án, dự án đánh giá nội dung và tổng hợp gửi Hội đồng thẩm định.

Điều 10. Thẩm định và phê duyệt đề án, dự án

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định các đề án, dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ, do lãnh đạo Sở Công Thương làm Chủ tịch Hội đồng, lãnh đạo Sở Tài chính làm Phó Chủ tịch Hội đồng, thành phần bao gồm đại diện các sở, ngành và các tổ chức liên quan. Hội đồng có nhiệm vụ thẩm định các đề án, dự án do các đơn vị chủ trì xây dựng. Hội đồng có thể mời và tham khảo ý kiến chuyên gia trong quá trình thẩm định.

2. Sở Công Thương, có trách nhiệm hướng dẫn việc xây dựng, tiếp nhận, đánh giá sơ bộ các đề án, dự án; tổng hợp gửi Hội đồng thẩm định; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đề án, dự án trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định.

Điều 11. Điều chỉnh và chấm dứt thực hiện đề án, dự án

1. Trường hợp đơn vị chủ trì điều chỉnh, thay đổi nội dung hoặc chấm dứt thực hiện đề án, dự án đã được phê duyệt, phải có văn bản nêu rõ lý do và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

a) Sở Công Thương, phê duyệt các đề nghị điều chỉnh về thay đổi địa điểm, đơn vị thụ hưởng, thời gian thực hiện (trong năm tài chính); các điều chỉnh làm giảm hoặc không thay đổi tổng mức kinh phí hỗ trợ đề án, dự án.

b) Sở Công Thương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các đề nghị điều chỉnh tăng tổng mức kinh phí hỗ trợ, thay đổi nội dung của đề án, dự án; các đề nghị chấm dứt thực hiện đề án.

2. Trường hợp đơn vị chủ trì không thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đề án, dự án đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung đề án, dự án không còn phù hợp, Sở Công Thương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc chấm dứt thực hiện đề án, dự án.

3. Sau khi có quyết định điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện đề án, dự án; Sở Công Thương chủ trì, phối hợp Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc điều chuyển kinh phí còn dư (nếu có); việc quản lý và sử dụng kinh phí này các cơ quan và đơn vị liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn ngân sách.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án, dự án đảm bảo việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ được thực hiện đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Tổ chức thẩm định, trình phê duyệt và nghiệm thu kết quả thực hiện các đề án, dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ.

4. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ.

5. Hàng năm tổng hợp đánh giá kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện các đề án, dự án được duyệt.

6. Giao trách nhiệm cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp – Sở Công Thương thực hiện:

a) Hướng dẫn xây dựng các đề án, dự án; tiếp nhận và ký kết hợp đồng với các đơn vị chủ trì thực hiện các đề án, dự án.

b) Phối hợp với đơn vị chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện các đề án, dự án theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán được phê duyệt.

c) Tổng hợp, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, trình Sở Công Thương tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hàng năm, gửi Sở Tài chính để xem xét bố trí dự toán, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

d) Quản lý nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước giao để thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Công Thương tổng hợp, thẩm tra và cân đối, bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ cụ thể dựa trên khối lượng thực tế và trong khả năng cân đối của ngân sách, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn, bố trí và quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp cho các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các đề án, dự án theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ban ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Các sở, ban ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương trong triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh được duyệt theo từng giai đoạn.

Điều 15. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì

1. Tổ chức thực hiện các đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán trong hợp đồng đã ký; bảo đảm sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

2. Báo cáo kết quả thực hiện đề án, dự án về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp – Sở Công Thương, để tổng hợp và báo cáo Sở Công Thương trước ngày 01 tháng 11 hàng năm.

3. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin chính xác liên quan đến tình hình thực hiện đề án, dự án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Công Thương để tổng hợp tham mưu trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *[Signature]*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Phạm Vũ Hồng

